

Unit 7 : TRAFFIC Test 1

I. Find the word which has a different sound in the part underlined. (Tìm từ có âm khác ở phần được gạch dưới).

- | | | | |
|----------------------|-------------------|---------------------|-------------------|
| 1. A. <u>f</u> ine | B. th <u>i</u> n | C. be <u>h</u> ind | D. n <u>i</u> ce |
| 2. A. k <u>i</u> ng | B. k <u>i</u> ck | C. f <u>i</u> t | D. ch <u>i</u> ld |
| 3. A. l <u>a</u> nd | B. l <u>a</u> te | C. s <u>a</u> fe | D. w <u>a</u> y |
| 4. A. b <u>a</u> nd | B. f <u>a</u> n | C. c <u>a</u> ptain | D. d <u>a</u> te |
| 5. A. st <u>e</u> ak | B. gr <u>e</u> at | C. h <u>e</u> ad | D. br <u>e</u> ak |

II. Complete the words of traffic with the missing letters. (Hoàn thành các từ về giao thông với các chữ cái còn thiếu.)

- | | | | |
|-------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------|
| 1. r _ _ _ d | 2. st _ e _ t | 3. cr _ ss _ oa _ _ | 4. cy _ _ l _ _ st |
| 5. m _ _ to _ _ i _ _ t | 6. p _ dest _ i _ n | 7. pa _ _ em _ _ n _ _ | 8. tr _ _ ff _ _ c s _ _ gn |
| 9. tra _ _ fic l _ _ g _ _ ts | 10. t _ _ af _ _ ic ru _ _ es | | |

III. Complete the sentences with should or shouldn't. (Hoàn thành các câu với **should hoặc **shouldn't**.)**

1. You look tired. You _____ go to bed early.
2. She is gaining weight fast. She _____ eat less.
3. It's a very dangerous area. You _____ go there.
4. If you drank, you _____ drive your car.
5. The road is bumpy. You _____ drive carefully.
6. Students _____ listen to their teacher.
7. He _____ smoke a lot because it's not good for his health.
8. You _____ drive on the pavement. It's for pedestrians.
9. The film is very interesting. You _____ watch it.
10. Her mother is in hospital. She _____ visit her.

IV. Read and choose the correct word to complete the dialogue. (Đọc và chọn từ đúng để hoàn thành đoạn hội thoại.)

Nga: (1) _____ does your father work, Mai?

Mai: He works in a factory (2) _____ Binh Duong.

Nga: How (3) _____ is it from your house?

Mai: It's (4) _____ 15 kilometres.

Nga: Oh, it's very far. How (5) _____ he go to work?

Mai: He goes (6) _____ motorbike.

Nga: How much time does it take (7) _____ to get there?

Mai: About one hour. Is your father's company far (8) _____ - your house?

Nga: Not very far. It takes him (9) _____ ten minutes to get there by car.

Mai: Oh, it's very (10) _____ your house. Your father is so happy!

- | | | | |
|--------------|----------|---------|------------|
| 1. A. When | B. Where | C. Who | D. What |
| 2. A. in | B. at | C. on | D. between |
| 3. A. much | B. often | C. long | D. far |
| 4. A. about | B. to | C. near | D. above |
| 5. A. did | B. do | C. does | D. doing |
| 6. A. across | B. by | C. in | D. on |
| 7. A. her | B. you | C. me | D. him |
| 8. A. to | B. for | C. by | D. from |
| 9. A. little | B. few | C. only | D. any |
| 10. A. near | B. next | C. far | D. long |

Exercise 2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others.

- | | | | |
|------------------------|--------------------|-----------------------|---------------------|
| 1. A. <u>c</u> ame | B. <u>l</u> ake | C. <u>st</u> ation | D. <u>s</u> tart |
| 2. A. <u>a</u> ncient | B. <u>r</u> adio | C. <u>v</u> illage | D. <u>n</u> ature |
| 3. A. <u>b</u> reak | B. <u>h</u> ead | C. <u>b</u> read | D. <u>h</u> eavy |
| 4. A. <u>w</u> ait | B. <u>s</u> aid | C. <u>m</u> aid | D. <u>s</u> ail |
| 5. A. <u>t</u> rain | B. <u>w</u> ait | C. <u>s</u> aid | D. <u>p</u> aid |
| 6. A. <u>s</u> ailing | B. <u>r</u> ailway | C. <u>b</u> rainstorm | D. <u>c</u> aptain |
| 7. A. <u>s</u> afety | B. <u>ch</u> at | C. <u>t</u> aste | D. <u>w</u> aste |
| 8. A. <u>c</u> entre | B. <u>l</u> et | C. <u>b</u> elt | D. <u>s</u> ecurity |
| 9. A. <u>s</u> afety | B. <u>t</u> raffic | C. <u>st</u> ation | D. <u>p</u> lane |
| 10. A. <u>d</u> iverse | B. <u>d</u> rive | C. <u>i</u> nvention | D. <u>c</u> rime |